

Nam Trục, ngày 25 tháng 3 năm 2019

PHỤ LỤC V
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
HÀNG NĂM VÀ 3 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Năm báo cáo: Năm 2019

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	KH năm 2019
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	ha	37.287,13	36.916,98	36.916,98	44.678,38
1.1	Diện tích lúa	ha	30.013,07	29.376,63	29.470,78	29.459,59
1.2	Diện tích màu, mạ, cây CN	ha	3.803,26	4.419,5	4.313,18	6.545,16
1.3	Diện tích thủy sản	ha	1.445,89	1.598,81	1.598,81	1.598,36
1.4	Diện tích cây vụ đông	ha	2.024,91	1.522,04	1.496,34	1.521,02
1.5	Diện tích tiêu thoát nước KVNT&ĐT trừ vùng nội thị	Ha				5.554,25
2	Tổng doanh thu	trđ	58.955,41	57.532,61	59.166.403	59.949.883
3	Lợi nhuận trước thuế	trđ	302,50	304,23	305.646	306.000
4	Nộp ngân sách	trđ	28,16	86,86	87.040	80.000

b. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Trong 3 năm từ năm 2016 đến năm 2018 công ty đã thi công hoàn thành 4 dự án: Nạo vét, kiên cố hóa kênh Hải Ninh; dự án Nạo vét, kiên cố hóa đoạn đầu kênh Thứ Nhất, kênh Thứ Nhất 2 và trạm bơm Hồng Tiến; Nạo vét, KCH kênh Bách Tính; Nạo vét, KCH kênh CC4, CC6, kênh Giá 10 và kênh Giá

c. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...)

d. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Thuận lợi:

+ Có sự tập trung thống nhất cao, linh hoạt chỉ đạo của các cấp, các ngành. Đặc biệt là sự chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Sở NN&PTNT, UBND các huyện thành phố, phòng NN&PTNT các huyện, phòng kinh tế TP Nam Định.

+ Cán bộ công nhân viên công ty đoàn kết, bám sát địa bàn, không ngại khó khăn vất vả, nắm bắt biến đổi thời tiết, chủ động linh hoạt vận hành công trình điều tiết nước kịp thời.

- Khó khăn:

- Hệ thống thủy nông Nam Ninh đã được quy hoạch và xây dựng từ lâu, đến nay nhiều công trình kênh mương, cống đập đã bị xuống cấp, máy móc thiết bị già cỗi, lạc hậu. Trong những năm

qua đã được các cấp từ Trung ương đến địa phương quan tâm đầu tư kinh phí nên một số công trình quan trọng, cấp bách đã được nâng cấp, cải tạo sửa chữa, tuy nhiên hệ thống công trình chưa được đầu tư mới theo quy hoạch. Cùng với đó là sự chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, phương thức thâm canh và sự thiếu hụt nguồn nhân lực làm nông nghiệp nên việc phục vụ sản xuất cũng gặp nhiều khó khăn hơn.

- Việc chỉ đạo triển khai làm thủy lợi nội đồng ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, nguồn vốn của địa phương để đầu tư sửa chữa các công trình nội đồng kênh mương, công đập cấp 3, bờ vùng, kênh khoanh hạn hẹp, gặp khó khăn do thiếu kinh phí nên vẫn còn tình trạng úng hạn cục bộ gây ảnh hưởng công tác điều hành tưới tiêu.

- Một số địa phương chưa thực sự sát sao công tác quản lý công trình thủy lợi, ngại va chạm nên tình trạng vi phạm các công trình thủy lợi vẫn còn tái diễn như việc lấn chiếm lan cạp làm bên bãi, lều lán, quán tạm, nhà cửa, đổ rác và gạch đá xuống máng và lòng kênh làm giảm năng lực tưới tiêu, tình trạng xả nước thải chất thải của các làng nghề, khu công nghiệp gây ô nhiễm...vẫn còn hiện tượng nhân dân khi thu hoạch xong đã vớt rom rạ xuống kênh mương, gây ách tắc dòng chảy...

- Bố trí vùng gieo sạ còn nhỏ lẻ không tập trung, gieo sạ vào vùng không chủ động việc tưới tiêu nước, một số địa phương nhân dân gieo sạ tự phát không theo sự chỉ đạo gây ảnh hưởng lớn đến điều hành nước phục vụ sản xuất.

d. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...)

+ Tập trung kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm để duy trì trả lương cho cán bộ CNV và đầu tư nâng cấp các công trình cống đập, kênh mương trong quy hoạch hệ thống thủy nông Nam Ninh đảm bảo tốt nhất cho công tác điều hành tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Đề nghị các cấp, các ngành đầu tư, cải tạo nâng cấp các công trình đã được quy hoạch trong hệ thống thủy nông Nam Ninh

BIỂU SỐ 1 MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	KH năm 2019
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	ha	37.287,13	36.916,98	36.916,98	44.678,38
1.1	Diện tích lúa	ha	30.013,07	29.376,63	29.470,78	29.459,59
1.2	Diện tích màu, mạ, cây CN	ha	3.803,26	4.419,5	4.313,18	6.545,16
1.3	Diện tích thủy sản	ha	1.445,89	1.598,81	1.598,81	1.598,36
1.4	Diện tích cây vụ đông	ha	2.024,91	1.522,04	1.496,34	1.521,02
1.5	Diện tích tiêu thoát nước KVNT&ĐT trừ vùng nội thị					5.554,25
2	Tổng doanh thu	trđ	58.955,41	57.532,61	59.166.403	59.949.883
3	Lợi nhuận trước thuế	trđ	302,50	304,23	305.646	306.000
4	Nộp ngân sách	trđ	28,16	86,86	87.040	80.000
5	Tổng lao động	Người	179	179	179	179
6	Tổng quỹ lương chi trả	trđ	12.375,47	12.284,39	13.300,09	14.635,18
6.1	Quỹ lương quản lý	trđ	1.362	1.320	1.320	1.320
6.2	Quỹ lương lao động	trđ	11.013,47	10.964,39	11.980,09	13.315,18

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KTCT THỦY LỢI NAM NINH**

MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI
NAM NINH

Ký CHỦ TỊCH
Lê Đình Kiên